1 Technology

Technology in Education

Words in context

Online learning really **did wonders**[1] for my English skills.

Around three years ago, English was my **Achilles heel**[2]. I really struggled with grammar, and I **couldn't make head nor tail**[3] of what the teacher was trying to explain. However, one day, one of my friends introduced me to an English course on Canvas, an online learning website, and I was **completely hooked**[4]! You know, I have to admit that I am a little bit **slow on the uptake**[5], but with this site, I was able to learn **at my own pace**[6] – I mean, I could replay the video lessons as many times as I liked until I completely **took in**[7] all the information. And you know what, my English improved **in leaps and bounds**[8] and in a few months, I passed my final test **with flying colors**[9]!

While online learning has been really convenient, social media has been **a real nuisance**[10] to my learning progress. It really **gets on my nerves**[11] when I am studying and somebody keeps messaging me every five minutes!

1 **To do wonders for somebody/ something = To have a positive impact on something:** *Có tác dụng tốt đến ai/cái gì*

2 **To be one's Achilles heel = To be one's weakness:** *Điểm yếu của ai đó*

3 **Can't make head nor tail of something = Can't understand something:** *Không thể hiểu được cái gì*

4 **To be completely hooked = To enjoy very much:** *Bị cuốn hút hoàn toàn*

5 **To be slow on the uptake = To be slow to understand something:** *Chậm hiểu*

6 **To do something at one's own pace = To do something as fast / slow as they can:** *Làm điều gì đó với nhịp độ phù hợp với khả năng*

7 **To take in something = To understand or remember something:** *Hiểu cái gì đó*

8 **In leaps and bounds = Very quickly, very much:** *Rất nhiều hoặc rất nhanh*

9 **To pass exams with flying colors = To pass exams with very high results:** *Qua bài kiểm tra với điểm số cao*

10 **To be a real nuisance = To be an annoyance:** *Điều gì đó gây khó chịu*

11 **To get on someone's nerves = To make somebody annoyed:** *Làm ai đó cảm thấy khó chịu*

LIVEWORKSHEETS

Explore word knowledge

1 ***Đánh giá mức độ phù hợp*** *của những từ hoặc cụm từ in đậm trong các câu sau*

1 Using computers ten hours a day really **does wonders for** my eyesight.
*Sử dụng máy tính 10 tiếng một ngày thực sự **does wonders for** thị lực của tôi.*

2 The lesson yesterday was so boring that everyone was **completely hooked** and felt asleep.
*Bài học ngày hôm qua chán đến mức tất cả mọi người đều **completely hooked** và lăn ra ngủ hết.*

3 My neighbor's dog keeps barking at me everytime I walk pass his house, which is **a real nuisance.**
*Con chó nhà hàng xóm cứ sủa mỗi lần tôi đi qua. Đây thực sự là **a real nuisance.***

4 I got 4/10 in my math exam. Honestly, math is my **Achilles heel!**
*Tôi vừa được 4/10 điểm trong bài thi toán. Thực sự thi môn toán là **Achilles heel** của tôi!*

5 I found today's lesson very easy to follow because I **couldn't make head nor tail** of what the teacher was saying.
*Tôi thấy bài hôm nay rất dễ theo vì tôi **couldn't make head or tail of** những gì giáo viên nói trong buổi học.*

6 That kid kept pulling my hair and it's really **getting on my nerves.**
*Đứa bé đó cứ kéo tóc tôi và điều đó thực sự **getting on my nerves.***

7 If a person studies in a class where students are at different ability levels, he can study **at his own pace.**
*Nếu một người học trong lớp mà học sinh đang ở nhiều trình độ khác nhau, anh ta có thể học **at his own pace.***

8 If we strictly follow our study plan and do not get caught up with any distractions, we can improve our English **in leaps and bounds.**
*Nếu chúng ta nghiêm chỉnh làm theo kế hoạch học tập của mình và không bị cuốn vào những trò tiêu khiển ngoài lề thì trình độ tiếng Anh của chúng ta sẽ tiến bộ **in leaps and bounds.***

LIVEWORKSHEETS

2 ***Chọn từ (và chia động từ) phù hợp*** *để hoàn thành các câu sau:*

A. completely hooked	*B. couldn't make head or tail of*	*C. with flying colors*
D. take in	*E. slow on the uptake*	*G. Achilles heel*
H. at my own pace	*I. do wonders*	

1 He passed his exam _____ even though he didn't study very hard throughout the semester.
Anh ấy vượt qua bài thi một cách _____ mặc dù anh ấy chả học gì mấy trong cả kỳ.

2 He became _____ on the game after seeing Tom play it so well.
Anh ấy trở nên _____ vào cuộc chơi sau khi thấy Tom chơi quá tốt.

3 English was my _____ when I was in university. I hated it!
Tiếng Anh là _____ của tôi khi tôi còn đang học đại học. Tôi thực sự ghét nó!

4 Despite listening carefully, I still _____ what my tutor was saying.
Mặc dù lắng nghe rất cẩn thận, tôi vẫn _____ những gì chị gia sư đang nói.

5 If you want to _____ all the information in the letter, you should read it twice.
Nếu bạn muốn _____ tất cả thông tin trong lá thư, bạn nên đọc nó 2 lần.

6 He's pretty _____ so I usually spend more than one hour reviewing each lesson with him.
Ảnh ấy khá là _____ nên tôi thường dành hơn 1 tiếng để ôn lại từng bài với anh ấy.

7 I think using a computer is the best way for me to study _____.
Tôi nghĩ sử dụng máy tính là cách tốt nhất để tôi có thể học _____.

8 Drinking a lot of water can _____ for my health because it helps maintain the balance of body fluids.
Uống nhiều nước có thể _____ cho sức khỏe của tôi vì nó giúp duy trì sự cân bằng chất lỏng trong cơ thể.

LIVEWORKSHEETS

Practice

Understanding and Applying

1. Trả lời những câu hỏi sau với độ dài từ 2 – 3 câu.

1. Have you ever learned anything on an online platform?
2. Is online learning popular in your country?
3. What are some advantages and disadvantages of online learning?

2. Sử dụng những từ đã học để mở rộng chủ đề sau.

Describe a difficult subject you studied at school

You should say:

- What the subject was
- When and how long you studied it for
- What you studied as a part of this subject

And say why you found it difficult to study this subject.

LIVEWORKSHEETS